

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2019

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa

Bà Phan Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Thanh T, sinh năm 1988.

HKTT: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

+ *Bị đơn:* Anh Phạm Mạnh L, sinh năm 1981.

HKTT: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Hiện đang ở Hàn Quốc.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh chị thống nhất cho anh L đi lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc. Đến tháng 6/2011 anh L bắt đầu sang Hàn Quốc làm việc với thời hạn là 04 năm. Thời gian đầu anh chị vẫn giữ liên lạc nhưng đến cuối năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, anh L không còn quan tâm đến vợ con, ít liên lạc về cho gia đình. Hết thời hạn hợp đồng lao động anh L không về nước mà trốn ra ngoài làm, hiện đang sống lưu vong ở Hàn Quốc. Do vậy chị không có địa chỉ của anh L ở Hàn Quốc để cung cấp cho Tòa án. Gia đình anh L cũng không biết địa chỉ anh L hiện nay để cung cấp cho Tòa án. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Vũ Anh D, sinh ngày 07/10/2008. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại biên bản làm việc ngày 02/8/2019 và ngày 16/8/2019 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Phạm Viết N là bố đẻ của anh L xác định: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án ông có thông tin cho anh L biết thì anh L có trao đổi lại, anh và chị T có mâu thuẫn, hiện anh không còn tình cảm với chị T, chị T xin ly hôn anh nhất trí. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Vũ Anh D, sinh ngày 07/10/2008, anh đồng ý để chị T nuôi con. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh cũng nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đề nghị.

Hiện anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại Công văn số 4109/PA01(XNC) ngày 01/7/2019 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định anh Phạm Mạnh L đã xuất cảnh qua cửa khẩu Nội Bài ngày 23/9/2013, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh T chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh Linh ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh L là ông N có đủ căn cứ xác định anh L vẫn liên hệ với ông nhưng ông không cung cấp được địa chỉ của bị đơn anh L và anh L cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông N cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của anh L ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Vũ Thị Thanh T và anh Phạm Mạnh L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T khai: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 do anh L không quan tâm đến vợ con, ít liên lạc về cho gia đình, hết thời hạn hợp đồng lao động anh L không về nước mà trốn ra ngoài làm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Phía bị đơn anh L mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, anh cũng xác định anh và chị T có mâu thuẫn, anh không còn tình cảm với chị T, về việc chị T xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy, giữa chị T và anh L đã không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị T ly hôn anh L là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Vũ Anh D, sinh ngày 07/10/2008. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Thông qua đại diện thân nhân là ông N ý kiến của anh L nhất trí để chị T trực tiếp nuôi con, chị T không yêu cầu cấp dưỡng. Mặt khác, cháu D (trên 7 tuổi) có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần giao con chung là cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L do chị T không yêu cầu. Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có, phía anh L không có lời khai bằng văn bản nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[3] Án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị được ly hôn với anh L. Con chung: Giao cháu Phạm Vũ Anh D, sinh ngày 07/10/2008 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L vì chị T không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, khoản 2 Điều 38; Điều 147, Điều 207; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Mạnh L.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Vũ Anh D, sinh ngày 07/10/2008 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L do chị T không yêu cầu. Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Vũ Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008802 ngày 09/7/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh L được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Phương